



2021

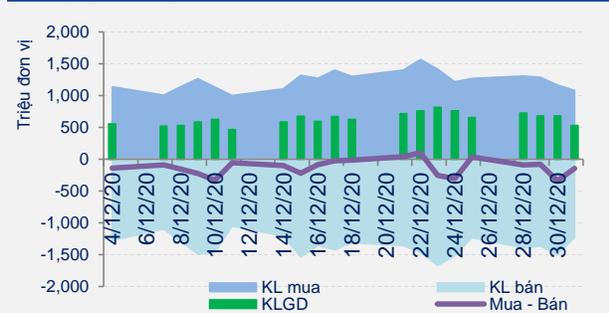
Happy New Year!

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 31/12/2020

| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,103.87 | 203.12 |
| % Thay đổi | ↑ 0.58% | ↑ 3.14% |
| KLGD (CP) | 527,818,627 | 136,262,747 |
| GTGD (tỷ đồng) | 10,807.77 | 1,692.88 |
| Tổng cung (CP) | 1,227,566,550 | 156,293,400 |
| Tổng cầu (CP) | 1,080,909,580 | 145,117,900 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 10,401,400 | 2,978,365 |
| KL mua (CP) | 21,152,290 | 446,048 |
| GTmua (tỷ đồng) | 551.05 | 7.59 |
| GT bán (tỷ đồng) | 338.88 | 36.47 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 212.17 | (28.88) |

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 1.70% | 13.3 | 2.2 | 1.3% |
| Công nghiệp | ↑ 0.35% | 16.4 | 2.7 | 12.7% |
| Dầu khí | ↓ -0.23% | - | 2.0 | 3.9% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↑ 0.62% | - | 4.5 | 3.8% |
| Dược phẩm và Y tế | ↑ 0.20% | 14.2 | 2.5 | 1.1% |
| Hàng Tiêu dùng | ↑ 0.63% | 17.8 | 4.8 | 12.7% |
| Ngân hàng | ↑ 0.90% | 11.0 | 2.3 | 22.1% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 2.37% | 20.2 | 2.2 | 12.6% |
| Tài chính | ↑ 0.41% | 18.1 | 3.0 | 25.7% |
| Tiền ịch Cộng đồng | ↑ 0.08% | 15.2 | 2.5 | 4.0% |
| VN - Index | ↑ 0.58% | 17.8 | 3.0 | |
| HNX - Index | ↑ 3.14% | 14.5 | 2.9 | |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản suy giảm có thể do hiệu ứng nghỉ lễ sớm từ nhà đầu tư. Kết phiên, VN-Index tăng 6,33 điểm (+0,58%) lên 1.103,87 điểm; HNX-Index tăng 6,18 điểm (+3,14%) lên 203,12 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 12.500 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 664 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.321 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 450 mã tăng, 142 mã tham chiếu, 231 mã giảm. Trong phiên chốt NAV 2020 này, nhiều cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh giúp danh mục của các quỹ đầu tư, các công ty chứng khoán, các tổ chức tài chính đạt mức tăng mạnh mẽ. MSN (+6,5%), TCB (+5,4%) là 2 cổ phiếu dẫn đầu tăng giá trong nhóm VN30. Phiên cuối cùng của năm, nhóm VN30 ghi nhận 19/30 mã tăng giá; 2 mã đứng giá và phía giảm giá là EIB (-4,2%) và SAB (-2,5%). EIB gây bất ngờ với mức giảm mạnh trong phiên thị trường chứng khoán tăng rực rỡ. Nhóm cổ phiếu chứng khoán thu hút mạnh dòng tiền khi mà kết quả kinh doanh năm 2020 dự kiến sẽ tốt như SSI (+5,1%), SHS (+8,2%), VND (+2%), HCM (+2,1%), FTS (+2,8%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường chốt năm 2020 với phiên tăng nhẹ và thanh khoản cũng thấp hơn mức trung bình 20 phiên. VN-Index đã tăng trưởng được gần 15% so với cuối năm 2019 và đây là một mức tăng tốt hơn trung bình của thị trường kể từ khi thành lập đến nay. Từ tuần sau, quy định về nâng lô tối thiểu trên HOSE lên 100 cổ phiếu sẽ có hiệu lực và điều này có thể ảnh hưởng đến các giao dịch của nhà đầu tư. Thị trường đang đi vào vùng giá tương đối cao nếu so với tương quan diễn biến trong lịch sử. Cụ thể, trong giai đoạn 2015-2020 thì kỷ lục là VN-Index tăng điểm liên tiếp 9 tuần vào cuối năm 2017 và hiện tại thị trường đã san bằng với kỷ lục đó. Trên khía cạnh định lượng, mức tăng trước đó là khoảng 20% (từ 800 lên 960) trong 9 tuần cuối năm 2017 thì hiện tại thị trường đang gần đạt đến ngưỡng 20% này với target có thể hướng đến quanh ngưỡng 1.110 điểm (tăng từ ngưỡng 925 điểm). Theo đó, thị trường có thể tiếp tục rung lắc trong tuần tới và khả năng điều chỉnh được đề ngò với ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.070 (MA20) điểm và xa hơn quanh 1.010 điểm (MA50). Trong giai đoạn này, nhà đầu tư nên tiếp tục cơ cấu danh mục theo hướng bảo vệ thành quả đã đạt được trong năm 2020, những quyết định mua mới nên chờ thị trường điều chỉnh về các vùng giá hấp dẫn hơn để đón sóng lên quanh ngưỡng 1.200 điểm (đỉnh tháng 4/2018) có thể diễn ra trong năm 2021.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

31/12/2020

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.096,27 điểm. Lực cầu xuất hiện ngay sau đó đã kéo chỉ số quay trở lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần trong phiên chiều, với mức cao nhất trong phiên tại 1.105,33 điểm. Cuối phiên, áp lực chốt lời gia tăng khiến mức tăng bị thu hẹp lại. Kết phiên, VN-Index tăng 6,33 điểm (+0,58%) lên 1.103,87 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: MSN tăng 5.400 đồng, GVR tăng 1.450 đồng, TCB tăng 1.600 đồng. Ở chiều ngược lại, SAB giảm 5.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong phiên sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 194,335 điểm. Từ phiên chiều trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 203,149 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 6,18 điểm (+3,14%) lên 203,12 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 10.000 đồng, SHS tăng 1.900 đồng, NVB tăng 900 đồng. Ở chiều ngược lại, HUT giảm 300 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 209,42 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 8,9 triệu đơn vị. HPG mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 75,9 tỷ đồng tương ứng với 1,8 triệu cổ phiếu, tiếp theo là FUEVFNVD với 73 tỷ đồng tương ứng với 2,4 triệu chứng chỉ quỹ. Ở chiều ngược lại, KBC là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 16,1 tỷ đồng tương ứng với 668 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 28,46 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 2,5 triệu cổ phiếu. HMH là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 20,2 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VNR với 3,9 tỷ đồng tương ứng với 195 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PGN là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,6 tỷ đồng tương ứng với 85,5 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng trở lại sau phiên điều chỉnh nhẹ hôm qua với thanh khoản suy giảm có thể do hiệu ứng nghỉ lễ sớm từ nhà đầu tư. Thị trường tuy tăng điểm nhưng vẫn chưa thể vượt qua được mức cao trong ngày hôm qua quanh 1.109 điểm cho thấy lực cầu mua lên đang suy yếu và bên bán có lẽ vẫn đang canh giá tốt hơn để xả hàng.

Với việc vượt qua được ngưỡng kháng cự quanh 1.084 điểm (đỉnh tháng 5/2018), thì chỉ số đã mở ra khả năng tiếp tục tăng điểm với vùng kháng cự tiếp theo trong khoảng 1.120-1.130 điểm (đỉnh tháng 1,2/2018). Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng khả năng này có xác suất khá thấp.

Đây là tuần thứ 9 mà thị trường tăng điểm, bằng với kỷ lục trước đó vào cuối năm 2017 và nếu xét trên mức tăng của lần trước là khoảng 20% (từ 800 lên 960) thì target tối đa của đợt tăng giá này là khoảng quanh 1.110 điểm do chỉ số tăng từ quanh 925 điểm đến nay.

Chúng tôi cho rằng, dư địa tăng hiện tại còn ít (quanh ngưỡng 1.110 điểm) trong khi dư địa giảm là khá lớn nếu xảy ra với các ngưỡng hỗ trợ lần lượt quanh 1.070 điểm (MA20) và 1.010 điểm (MA50). Tuy nhiên, với điều kiện vĩ mô cũng như thị trường hiện tại, thì nhịp giảm sắp tới khi xảy ra sẽ là cơ hội để các nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu để đón sóng tiếp theo với target quanh ngưỡng 1.200 điểm (đỉnh tháng 4/2018) có thể diễn ra trong năm 2021.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Quy mô kinh tế Việt Nam vượt 1 ngàn tỷ USD theo sức mua tương đương

Theo đánh giá của IMF, nếu tính theo sức mua tương đương, quy mô nền kinh tế nước ta đạt 1,05 ngàn tỷ USD và GDP bình quân đầu người đạt trên 10 ngàn USD.



TIN TRONG NƯỚC

| | |
|--------------------------------------|---|
| Giá vàng trong nước đi ngang | Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 55,6 - 56,05 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) tăng 250.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra. |
| Tỷ giá trung tâm giảm 10 đồng | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 31/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.131 VND/USD, giảm tiếp 10 đồng so với hôm qua. |

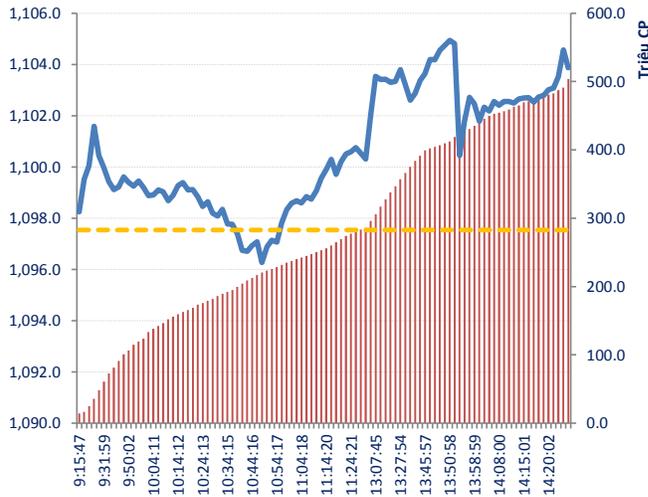
TIN QUỐC TẾ

| | |
|----------------------------------|---|
| Giá vàng thế giới tăng | Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 3,55 USD/ounce tương ứng với 0,19% lên 1.897 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm | Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,052 điểm tương ứng 0,05% xuống 89,595 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,2285 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3660 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 103,18 JPY. |
| Giá dầu thế giới giảm | Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,2 USD/thùng tương ứng với 0,4% xuống mức 48,2 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ tăng điểm | Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/12, chỉ số Dow Jones tăng 73,89 điểm tương ứng 0,24% lên 30.409,56 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 19,78 điểm tương ứng 0,15% lên 12.870 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 5 điểm tương ứng 0,13% lên 3.732,04 điểm. |



THÔNG KÊ GIAO DỊCH

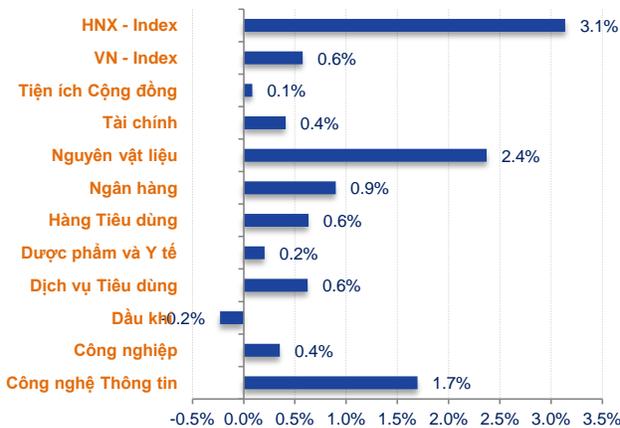
KLGD và VN-Index trong phiên



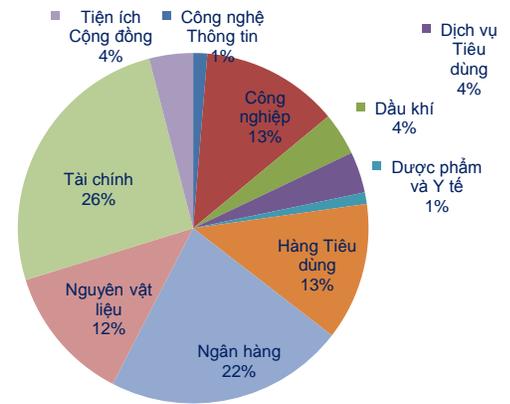
KLGD và HNX-Index trong phiên



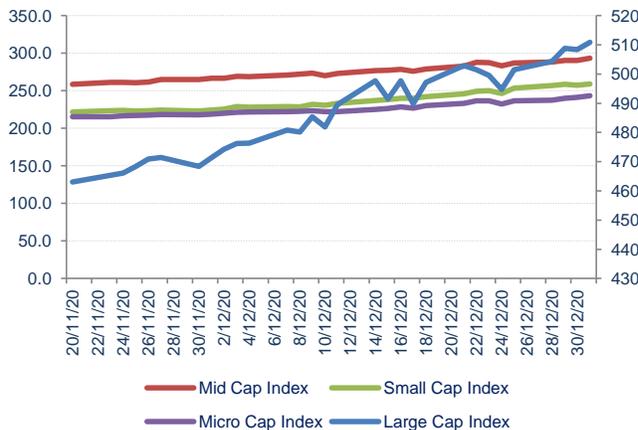
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



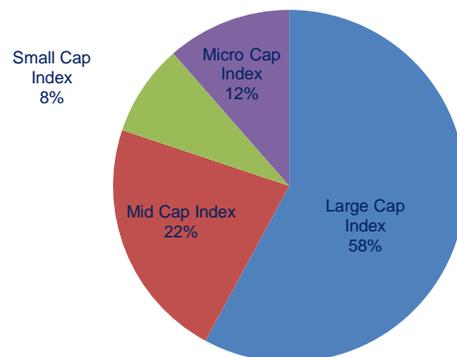
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|----------|-------------|-------|-------------|
| 1 | FUEVFNVD | 4,318,600 | KBC | 688,010 |
| 2 | HPG | 1,831,280 | PET | 512,580 |
| 3 | MBB | 955,980 | VPB | 472,430 |
| 4 | ITA | 884,250 | NKG | 467,360 |
| 5 | CMX | 338,880 | TLD | 390,860 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | PGN | 85,500 | HMH | 1,714,200 |
| 2 | MBG | 39,700 | VIG | 264,400 |
| 3 | NVB | 34,000 | VNR | 195,370 |
| 4 | HUT | 31,858 | PVS | 148,590 |
| 5 | EID | 25,610 | BVS | 139,000 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| ITA | 6.95 | 7.00 | ↑ 0.72% | 20,234,740 |
| TCB | 29.90 | 31.50 | ↑ 5.35% | 16,486,510 |
| STB | 16.80 | 16.90 | ↑ 0.60% | 14,969,830 |
| FLC | 4.48 | 4.55 | ↑ 1.56% | 14,653,770 |
| MBB | 22.90 | 23.00 | ↑ 0.44% | 14,264,660 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| NVB | 9.10 | 10.00 | ↑ 9.89% | 26,807,432 |
| SHB | 17.00 | 17.00 | → 0.00% | 14,873,631 |
| HUT | 4.50 | 4.20 | ↓ -6.67% | 12,941,934 |
| PVS | 17.70 | 17.80 | ↑ 0.56% | 11,404,040 |
| SHS | 23.10 | 25.00 | ↑ 8.23% | 8,105,097 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| EVG | 8.43 | 9.02 | 0.59 | ↑ 7.00% |
| DHA | 44.30 | 47.40 | 3.10 | ↑ 7.00% |
| FIT | 14.35 | 15.35 | 1.00 | ↑ 6.97% |
| VRC | 8.94 | 9.56 | 0.62 | ↑ 6.94% |
| ACL | 13.70 | 14.65 | 0.95 | ↑ 6.93% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| VC7 | 6.00 | 6.60 | 0.60 | ↑ 10.00% |
| NHC | 29.00 | 31.90 | 2.90 | ↑ 10.00% |
| PCG | 4.00 | 4.40 | 0.40 | ↑ 10.00% |
| NVB | 9.10 | 10.00 | 0.90 | ↑ 9.89% |
| SJ1 | 16.20 | 17.80 | 1.60 | ↑ 9.88% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| LGL | 7.00 | 6.51 | -0.49 | ↓ -7.00% |
| PTC | 9.03 | 8.40 | -0.63 | ↓ -6.98% |
| TIX | 31.70 | 29.50 | -2.20 | ↓ -6.94% |
| SGT | 7.06 | 6.57 | -0.49 | ↓ -6.94% |
| NAV | 20.20 | 18.80 | -1.40 | ↓ -6.93% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| VNC | 34.30 | 30.90 | -3.40 | ↓ -9.91% |
| CJC | 20.20 | 18.20 | -2.00 | ↓ -9.90% |
| VMS | 8.10 | 7.40 | -0.70 | ↓ -8.64% |
| MAC | 6.20 | 5.70 | -0.50 | ↓ -8.06% |
| ACM | 1.30 | 1.20 | -0.10 | ↓ -7.69% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|---------|------|-----|
| ITA | 20,234,740 | 1.9% | 216 | 32.4 | 0.6 |
| TCB | 16,486,510 | 3250.0% | 3,257 | 9.7 | 1.6 |
| STB | 14,969,830 | 8.6% | 1,318 | 12.8 | 1.1 |
| FLC | 14,653,770 | -10.1% | (1,515) | - | 0.3 |
| MBB | 14,264,660 | 18.4% | 2,994 | 7.7 | 1.3 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| NVB | 26,807,432 | 1.1% | 111 | 89.8 | 0.9 |
| SHB | 14,873,631 | 12.9% | 1,702 | 10.0 | 1.2 |
| HUT | 12,941,934 | -1.7% | (205) | - | 0.4 |
| PVS | 11,404,040 | 5.1% | 1,373 | 13.0 | 0.6 |
| SHS | 8,105,097 | 15.8% | 2,130 | 11.7 | 1.8 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|-------|-----|
| EVG | ↑ 7.0% | 3.0% | 360 | 25.0 | 0.7 |
| DHA | ↑ 7.0% | 21.2% | 5,788 | 8.2 | 1.7 |
| FIT | ↑ 7.0% | 2.3% | 361 | 42.5 | 1.0 |
| VRC | ↑ 6.9% | 0.2% | 39 | 248.0 | 0.4 |
| ACL | ↑ 6.9% | 4.0% | 531 | 27.6 | 1.1 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VC7 | ↑ 10.0% | 5.0% | 515 | 12.8 | 0.6 |
| NHC | ↑ 10.0% | 22.3% | 4,507 | 7.1 | 1.5 |
| PCG | ↑ 10.0% | -2.6% | (222) | - | 0.5 |
| NVB | ↑ 9.9% | 1.1% | 111 | 89.8 | 0.9 |
| SJ1 | ↑ 9.9% | 7.3% | 971 | 18.3 | 1.4 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-------|-----------|-------|-------|------|-----|
| UEVFN | 4,318,600 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| HPG | 1,831,280 | 20.9% | 3,235 | 12.8 | 2.5 |
| MBB | 955,980 | 18.4% | 2,994 | 7.7 | 1.3 |
| ITA | 884,250 | 1.9% | 216 | 32.4 | 0.6 |
| CMX | 338,880 | 20.3% | 4,028 | 4.4 | 1.0 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| PGN | 85,500 | 21.4% | 2,623 | 7.3 | 1.5 |
| MBG | 39,700 | 8.8% | 865 | 7.5 | 0.6 |
| NVB | 34,000 | 1.1% | 111 | 89.8 | 0.9 |
| HUT | 31,858 | -1.7% | (205) | - | 0.4 |
| EID | 25,610 | 15.7% | 2,995 | 5.3 | 0.8 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 365,979 | 7.0% | 2,509 | 43.1 | 2.9 |
| VCB | 363,099 | 19.4% | 4,631 | 21.1 | 3.9 |
| VHM | 294,411 | 30.6% | 6,762 | 13.2 | 3.7 |
| VNM | 227,353 | 35.3% | 5,320 | 20.4 | 7.2 |
| BID | 192,655 | 10.7% | 2,133 | 22.5 | 2.4 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|------|
| THD | 40,250 | 13.5% | 243 | 473.6 | 11.1 |
| SHB | 29,841 | 12.9% | 1,702 | 10.0 | 1.2 |
| VCS | 13,533 | 39.0% | 8,573 | 10.2 | 3.7 |
| IDC | 10,650 | 7.1% | 1,010 | 35.2 | 2.5 |
| DTK | 9,588 | 6.9% | 746 | 18.9 | 1.3 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|------|-------|-------|-----|
| TTF | 2.46 | 0.0% | (824) | - | - |
| FIT | 2.38 | 2.3% | 361 | 42.5 | 1.0 |
| TNI | 2.36 | 0.6% | 73 | 46.2 | 0.3 |
| DRH | 2.33 | 8.3% | 1,127 | 9.4 | 0.8 |
| VRC | 2.24 | 0.2% | 39 | 248.0 | 0.4 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|-------|------|
| THD | 3.22 | 13.5% | 243 | 473.6 | 11.1 |
| ACM | 2.51 | 0.0% | 2 | 510.6 | 0.1 |
| LUT | 2.18 | 0.1% | 10 | 588.0 | 0.5 |
| HHG | 2.11 | -14.5% | (1,378) | - | 0.2 |
| SDG | 2.00 | 12.5% | 7,530 | 7.1 | 0.9 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
